

Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính

Đơn vị: Trường Mầm non Hồng Đào

Chương: 599

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-MNHD ngày 03 tháng 01 năm 2025 của  
Hiệu trưởng trường Mầm non Hồng Đào)

(ĐVT: Đồng)

| TT         | Nội dung                                          | Dự toán được giao    |
|------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 1          | 2                                                 | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                      |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                         |                      |
| 1          | Lệ phí                                            |                      |
| 2          | Phí                                               |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>           |                      |
| 1          | Chi sự nghiệp.....                                |                      |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                    |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên              |                      |
| 2          | Chi phí quản lý hành chính                        |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                  |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ            |                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                    |                      |
| 1          | Lệ phí                                            |                      |
| 2          | Phí                                               |                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>             | <b>7.986.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                 | <b>7.986.000.000</b> |
| 1          | Chi quản lý hành chính                            |                      |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ               |                      |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề       | <b>7.986.000.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                    | 6.389.000.000        |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên              | 1.597.000.000        |
| 4          | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình            |                      |
| 5          | Chi đảm bảo xã hội                                |                      |
| 6          | Chi hoạt động kinh tế                             |                      |
| 7          | Chi sự nghiệp môi trường                          |                      |
| 8          | Chi sự nghiệp văn hoá thông tin                   |                      |
| 9          | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn   |                      |
| 10         | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                    |                      |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                         |                      |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                    |                      |

Thanh Khê, ngày 03 tháng 01 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**

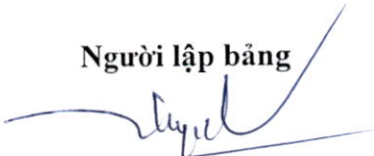


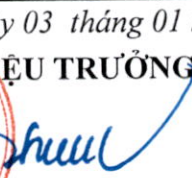
Lê Hiền My

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG ĐÀO

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI THƯỜNG XUYỀN NĂM 2025

| STT  | Nội dung                                                                                          | Đơn vị tính<br>Người | Dự toán năm<br>2025<br>32 |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|
|      | Số định biên được duyệt                                                                           |                      |                           |
| A    | DỰ TOÁN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HO TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC                                            | Triệu đồng           | 6.937,01                  |
| B    | DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC                                                                    | Triệu đồng           | 7.986,00                  |
| 1    | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                         | Triệu đồng           | 6.389,00                  |
| 1    | Chi lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo mức lương 2.340.000 đồng                 | Triệu đồng           | 5.248,00                  |
| 2    | Kinh phí chi hoạt động theo mức lương 2.340.000 đồng                                              | Triệu đồng           | 1.141,00                  |
| 2,1  | Chi lương, bảo hiểm, công đoàn cho Bảo vệ, NV vệ sinh                                             | Triệu đồng           | 303,00                    |
| 2,2  | Tiền thưởng                                                                                       | Triệu đồng           | 80,00                     |
| 2,3  | Tiền phúc lợi tập thể                                                                             | Triệu đồng           | 210,00                    |
| 2,4  | Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, phí vệ sinh)                                            | Triệu đồng           | 90,00                     |
| 2,5  | Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng ...)                          | Triệu đồng           | 12,00                     |
| 2,6  | Thông tin, tuyên truyền, liên lạc ( cước phí điện thoại, internet, sách, báo, tạp chí ...)        | Triệu đồng           | 10,00                     |
| 2,7  | Khoản công tác phí                                                                                | Triệu đồng           | 8,40                      |
| 2,8  | Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ chuyên môn (nhà cửa, thiết bị công nghệ thông tin, điện nước...) | Triệu đồng           | 30,00                     |
| 2,9  | Chi mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn                                                            | Triệu đồng           | 170,80                    |
| 2.10 | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành                                                            | Triệu đồng           | 141,80                    |
| 2.11 | Các khoản chi khác                                                                                | Triệu đồng           | 85                        |
| II   | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                                   | Triệu đồng           | 1597                      |
|      | KP chi lương,các khoản đóng góp theo lương ND 20,46                                               | Triệu đồng           | 633                       |
|      | KP chi hoạt động của Hợp đồng ND 20,46                                                            | Triệu đồng           | 225                       |
|      | Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP                                                                 | Triệu đồng           | 338                       |
| 1    | Hỗ trợ tết nguyên đán theo NQ 238                                                                 | Triệu đồng           | 77                        |
| 2    | Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi                                                            | Triệu đồng           | 5                         |
| 3    | Hỗ trợ học sinh có cha mẹ làm tại KCN theo NQ38                                                   | Triệu đồng           | 49                        |
| 4    | Hỗ trợ chi phí học tập                                                                            | Triệu đồng           |                           |
| 5    | KP hỗ trợ sửa chữa nhỏ                                                                            | Triệu đồng           | 270                       |
|      | Tổng cộng:                                                                                        |                      |                           |

Người lập bảng  
  
Nguyễn Thị Kim Dung

Thanh Khê, ngày 03 tháng 01 năm 2025  
  
HIỆU TRƯỞNG  
  
Lê Hiền My